

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 19

Tổ :

Trang 1/1

Mã nhận dạng 00966

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Các ng. lý CB của CN Mác-Lênin - 19-200106

CBGD: Võ Nguyên Hoài Như

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	14125567	NGUYỄN QUÝ BÌNH	DH14BQNT	<i>binh</i>	2	7.0		6.5	6.7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
2	14125568	NGUYỄN HOÀNG DANH	DH14BQNT	<i>Danh</i>	2	8.0		6.5	7.0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
3	14125571	QUẢNG THỊ KIM	DH14BQNT	<i>Kim</i>	2	5.0		6.0	5.7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
4	14125574	ĐỖ THỊ XUÂN	DH14BQNT							(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
5	14125575	NGUYỄN NGỌC HUY	DH14BQNT	<i>Huy</i>	1	5.0		5.5	5.4	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
6	14125576	PHAN HẬU	DH14BQNT							(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
7	14125577	DƯƠNG THỊ KIM LIÊN	DH14BQNT	<i>lin</i>	2	8.0		6.0	6.6	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
8	14125578	TẠ THỊ ANH	DH14BQNT	<i>anh</i>	2	9.0		8.0	8.3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
9	14125579	LÊ NHÃ PHONG	DH14BQNT	<i>phong</i>	2	8.0		6.5	7.0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
10	14125580	VÕ MINH THẾ	DH14BQNT	<i>minh</i>	2	8.0		5.5	6.3	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
11	14125581	TRẦN THỊ KIM THOA	DH14BQNT	<i>thoa</i>	2	5.0		7.5	6.8	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
12	14125582	NGUYỄN THỊ NGỌC THƯƠNG	DH14BQNT	<i>thuong</i>	2	7.0		8.0	7.7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
13	14125583	TRẦN AN XUÂN	DH14BQNT	<i>xuan</i>	2	5.0		8.0	7.1	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
14	14125665	HÀNG QUỲNH ANH	DH14BQNT	<i>anh</i>	2	6.0		6.5	6.4	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
15	14125668	PHẠM THANH QUỲNH CHI	DH14BQNT	<i>chi</i>	2	8.0		7.5	7.7	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
16	14125670	MAI THỊ THỦY DUNG	DH14BQNT	<i>thuy</i>	2	7.0		7.0	7.0	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
17	14125673	PHAN HẢI ĐĂNG	DH14BQNT	<i>hai</i>	1	5.0		6.5	5.4	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)
18	14125675	LÊ THỊ HẠNH	DH14BQNT	<i>hanh</i>	2	5.0		6.5	6.1	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)(10)	(0)(1)(2)(3)(4)(5)(6)(7)(8)(9)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 19

Tổ :

Trang 2/1

Mã nhận dạng 00966

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Các ng.lý CB của CN MácLênin - 19-200106

CBGD: Võ Nguyễn Hoài Như

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	14125676	VÕ THỊ MỸ	HẠNH	DH14BQNT	<i>Myhanh</i>	2	7.0	8.0	7.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14125679	PHAN THỊ	HIỀN	DH14BQNT						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14125683	TRẦN QUỐC	HÙNG	DH14BQNT	<i>Quoc</i>	2	8.0	6.0	6.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	14125687	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LỘC	DH14BQNT	<i>Phuoc</i>	2	7.0	7.5	7.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14125690	LÊ THỊ BÍCH	NGA	DH14BQNT	<i>Bich</i>	8	9.0	7.0	7.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	14125691	TRỊNH CÔNG	NHẬT	DH14BQNT	<i>Congd</i>	2	6.0	8.0	7.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	14125692	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	DH14BQNT	<i>Yen</i>	2	5.0	7.0	6.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14125696	HOÀNG HẢI	PHÚ	DH14BQNT						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	14125699	LÊ HỒNG	PHƯỚC	DH14BQNT	<i>Hong</i>	2	8.0	6.0	6.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	14125700	PHẠM THỊ QUỲNH	QUYÊN	DH14BQNT						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	14125703	TẠIN THỊ	SÓM	DH14BQNT	<i>Tain</i>	1	8.0	5.0	5.9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	14125705	NGUYỄN THỊ	THẢO	DH14BQNT	<i>Thao</i>	2	5.0	5.5	5.4	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14125707	NGUYỄN TẤN	THẮNG	DH14BQNT	<i>Tan</i>		9.0	8.5	8.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	14125708	VÕ THỊ KIM	THỊ	DH14BQNT						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	14125709	NGUYỄN THỊ	THUYỀN	DH14BQNT	<i>Thuyen</i>	2	8.0	7.5	7.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	14125711	CAO THỊ HUYỀN	TRANG	DH14BQNT	<i>Huyen</i>	2	8.0	8.0	8.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	14125712	NGUYỄN THỊ THANH	TRANG	DH14BQNT	<i>Thanh</i>	2	8.0	6.5	7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	14125713	HUỖNH ĐẶNG THANH	TRÂM	DH14BQNT	<i>Tram</i>	2	7.0	7.0	7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 19

Tổ :

Trang 3/1

Mã nhận dạng 00966

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC
Học Kỳ 2 - Năm Học 14-15

Môn Học : Các nguyên lý CB của CN Mác-Lênin - 19-200106

CBGD: Võ Nguyên Hoài Như

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	14125714	TRẦN NGỌC TỔ	TRÂM	DH14BQNT	Nhung	2	80	7.0	7.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	14125715	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	DH14BQNT	Tram	2	90	8.5	8.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	14125716	TRƯƠNG THỊ MỸ	TRÂM	DH14BQNT	Tram	2	90	8.0	8.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	14125717	VÕ THỊ THANH	TRÂM	DH14BQNT	Thanh	2	80	7.0	7.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	14125718	HUỖNH MINH	TRỌNG	DH14BQNT						0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	14125720	VÕ THỊ BÍCH	VÂN	DH14BQNT	Như	2	70	8.0	7.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	14125723	NGUYỄN HUỖNH NHƯ	Ý	DH14BQNT	Như	2	70	7.0	7.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	14125766	LÊ VIỆT	HÀ	DH14BQNT	Việt	2	90	7.0	7.6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	14125767	HUỖNH THỊ	HẠNH	DH14BQNT	Hanh	2	80	6.5	6.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	14125768	LÊ TRẦN MINH	TRÍ	DH14BQNT	Minh	2	90	8.0	8.3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	14125770	TRỊNH MINH	THÀNH	DH14BQNT	Minh	2	70	6.5	6.7	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 07

Hiện diện: 40

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nga
Huỳnh Thị Bích Nga

Như
Nguyễn Hoài Như

Như
Võ Nguyên Hoài Như